

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐÒN**

Số: **1433**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Đồn, ngày **22** tháng **7** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc,
Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐÒN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Qui định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 03/08/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 74/TTr-QLĐT ngày 07/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Xã Quảng Lộc thuộc thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp sông Gianh;
- Phía Nam giáp xã Quảng Hòa;
- Phía Đông giáp xã Quảng Văn;
- Phía Tây giáp xã Quảng Tân.

2.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Diện tích xã Quảng Lộc là 606,65ha.
- Dân số toàn xã hiện tại 9.128 người.

3. Thời hạn quy hoạch. Đồ án quy hoạch được xác định trong thời hạn từ 2022 đến năm 2030. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, giai đoạn dài hạn đến năm 2030.

4. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

4.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Rà soát đồ án Quy hoạch nông thôn mới để điều chỉnh và bổ sung các khu vực chức năng nhằm phù hợp với định hướng của đồ án Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040;

- Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đảm bảo hợp lý về sử dụng đất và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng, kiểm soát phát triển theo quy hoạch.

4.2. Tính chất, chức năng của xã:

Theo tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế xã hội xã Quảng Lộc được định hướng kinh tế chủ đạo của xã là nông nghiệp kết hợp tiểu thủ công nghiệp.

5. Quy mô dân số theo từng giai đoạn phát triển:

- Dân số hiện trạng: Toàn xã có 9.128 người;
- Đến năm 2025: Toàn xã có 10.772 người;
- Đến năm 2030: Toàn xã có 11.244 người.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

6.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn:

- *Khu trung tâm xã:* Khu trung tâm xã tập trung chủ yếu ở thôn Vĩnh Lộc và thôn Vĩnh Phước. Các công trình trung tâm chủ yếu được bố trí phía Nam xã và trên trục đường Tỉnh lộ 559. Bao gồm các công trình như trụ sở UBND xã, sân vận động xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường THPT, trạm y tế,...

- *Các công trình các công trình công cộng, dịch vụ:*

***Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã:**

+ Các công trình trụ sở làm việc, cơ quan hành chính hiện có giữ nguyên, tân trang;

+ Bố trí trụ sở công an xã diện tích khoảng 0,64ha vị trí trên trục đường 23m đối diện trụ sở UBND xã Quảng Lộc;

+ Định hướng bố trí thêm cơ quan hành chính diện tích 1,39ha vị trí phía Bắc tuyến đường 36m kết nối xã Quảng Tân và Quảng Hòa.

*** Nhà văn hóa, khu thể thao:**

+ Nhà văn hóa trên địa bàn xã Quảng Lộc giữ nguyên chỉnh trang và mở rộng diện tích để phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân địa phương và đáp ứng được sự phát triển dân cư trong các giai đoạn tới;

+ Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phước chuyển sang vị trí mới với diện tích 0,24ha vị trí trên trục đường đường 36m đi qua Cồn Sẻ, bố trí thêm sân vận động phục vụ xã diện tích 0,51ha vị trí phía Đông trục đường 23m;

+ Nhà văn hóa thôn Phú Trích mở rộng diện tích lên 0,28ha;

+ Nhà văn hóa thôn Vĩnh Lộc mở rộng diện tích lên 0,34ha;

+ Nhà văn hóa thôn Cồn Sẻ mở rộng diện tích lên 0,19ha;

+ Định hướng thêm 2 vị trí nhà văn hóa với diện tích là 0,28ha và 0,25ha vị trí phía Bắc tuyến đường 19m song song với tuyến đường 15m (hiện là tuyến đường 559).

*** Hệ thống công trình giáo dục:**

Đất trường học hiện có giữ nguyên được chỉnh trang và bố trí thêm trường mầm non, trường tiểu học giáp với trục đường 36m kết nối 2 xã Quảng Tân và Quảng Hòa về phía Bắc. Cụ thể như sau:

+ Trường tiểu học Quảng Lộc có diện tích là 0,66ha được chỉnh trang khuôn viên và giữ nguyên vị trí;

+ Trường mầm non Quảng Lộc có diện tích là 0,50ha được chỉnh trang khuôn viên và giữ nguyên vị trí;

+ Trường THCS Quảng Lộc có diện tích là 0,85ha được chỉnh trang khuôn viên và giữ nguyên vị trí;

+ Trường THPT Lê Lợi có diện tích là 2,35ha được chỉnh trang khuôn viên và giữ nguyên vị trí.

+ Trường Mầm non thôn Cồn Sẻ có diện tích là 0,37ha được chỉnh trang khuôn viên và giữ nguyên vị trí;

+ Trường mầm non (thuộc thôn Cồn Sẻ) có diện tích 0,19ha được chỉnh trang khuôn viên và giữ nguyên vị trí.

Theo quy hoạch chi tiết các đồ án ghép nối, bố trí thêm một số trường mầm non và tiểu học tại hai thôn Vĩnh Lộc và Vĩnh Phước nhằm đáp ứng đủ nhu cầu học tập cho các em nhỏ trong địa bàn xã.

* **Đất y tế:** Đất y tế hiện có giữ nguyên và định hướng bố trí đất y tế đa khoa cấp thị xã vị trí phía Nam đường 36m kết nối 2 xã Quảng Tân và Quảng Hòa.

* **Đất chợ:** Các chợ trên địa bàn xã giữ nguyên và chỉnh trang coi nới. Bên cạnh đó bố trí thêm một số chợ theo quy hoạch chi tiết ghép nối như sau:

+ Chợ thôn Cồn Sẻ có diện tích là 0,18ha;

+ Chợ thôn Vĩnh Phước diện tích là 0,23ha;

+ Chợ Quy hoạch mới diện tích là 1,19ha trên trục đường 15m hiện là trục 559.

* **Các đất phục vụ công cộng xã:**

+ Định hướng các công trình công cộng, thương mại dịch vụ bố trí trung tâm xã và dọc theo các tuyến đường chính dễ tiếp cận;

+ Định hướng xây dựng bến xe diện tích 1,3ha bố trí phía Tây tuyến đường 22,5m đi từ cầu Quảng Hải qua xã Quảng Hòa.

* **Định hướng các khu nghĩa trang trên địa bàn:** Khu nghĩa địa trên địa bàn xã Quảng Lộc hiện có sẽ được chỉnh trang hiện trạng và giữ nguyên vị trí.

* **Định hướng đất tôn giáo, tín ngưỡng:** Đất tôn giáo, tín ngưỡng đa phần các đất tôn giáo, tín ngưỡng đều được giữ nguyên vị trí và diện tích theo hiện trạng.

5.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo tại các khu dân cư hiện hữu:

Dân cư hiện hữu được hình thành và phát triển chủ yếu dọc theo các trục đường giao thông chính của địa phương phần lớn đã ổn định và tập trung vì vậy phát triển mạng lưới điểm dân cư trên quan điểm:

- Giữ gìn và tạo mới không gian mở, hướng nhìn, điểm nhìn xung quanh nhà văn hóa, sân thể thao công cộng phục vụ cho giao lưu cộng đồng. Tạo sự hấp dẫn cho các công trình tiếp giáp để trở thành trung tâm dịch vụ, sinh hoạt trong khu dân cư.

- Không gian quy hoạch: Trên nền tảng không gian bản sắc truyền thống hiện hữu, lấy không gian công cộng sinh hoạt cộng đồng làm hạt nhân (sân lễ hội, thể dục thể thao, nhà trẻ, trường học, trạm y tế...), tổ chức các không gian thôn, xóm xung quanh và gắn với không gian vùng sản xuất nông lâm nghiệp.

- Kiến trúc công trình: Khai thác kiến trúc mang giá trị truyền thống của địa phương.

- Từng bước nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật, chú trọng các tuyến đường liên xã, liên thôn nhằm tăng cường giao lưu văn hóa và trao đổi sản xuất kinh tế, nâng cao đời sống người dân.

- Đối với cảnh quan thôn, khu dân cư: Cải tạo chỉnh trang các thôn, trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống địa phương. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở nông thôn: Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc điểm sản xuất của hộ gia đình: Kinh tế vườn, chăn nuôi, nuôi thủy sản, làm dịch vụ...

- Thôn xóm bố trí dọc theo đường giao thông chính. Giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường chính để đảm bảo thuận lợi giao thông và quản lý của các cụm dân cư.

- Các công trình công cộng trong thôn xóm như nhà văn hóa, trường học, như hiện trạng có chỉnh trang nâng cấp cho phù hợp. Bảo vệ các công trình, cảnh quan có giá trị như cây xanh, bến nước...

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, đầu tư hạ tầng đầy đủ đảm bảo hình thành các khu dân cư mới cơ bản hoàn thiện về hạ tầng.

- Các thôn xóm hiện có tiếp tục phát triển ổn định trên cơ sở hiện trạng, chỉnh trang công trình văn hóa (Nhà văn hóa thôn, sân thể dục thể thao, công viên cây xanh); Cải tạo hệ thống giao thông; tăng cường điện chiếu sáng trên đường thôn xóm và khu vực công cộng.

- Quy hoạch các khu đất ở mới để hình thành các khu dân cư mới được bố trí dọc các tuyến đường giao thông chính.

6. Phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030:

6.1. Phân khu chức năng:

- Đất nông nghiệp bao gồm: Đất trồng lúa; đất nuôi trồng thủy sản; đất trồng cây hàng năm; đất rừng phòng hộ.

- Đất xây dựng bao gồm:

+ Các khu ở gồm có: Hiện trạng khu dân cư (khu ở cũ được cải tạo chỉnh trang) và nhóm nhà ở mới;

+ Đất công cộng: đất nhà văn hóa, đất giáo dục, đất trụ sở cơ quan, y tế, chợ;

+ Đất cây xanh, thể dục, thể thao;

+ Đất di tích, tín ngưỡng;

+ Đất xây dựng các chức năng khác: đất thương mại dịch vụ;

+ Đất giao thông;

+ Đất nghĩa địa;

+ Đất hạ tầng phục vụ sản xuất;

+ Đất khác: Bao gồm đất ao hồ, sông suối, mặt nước.

6.2. Bảng tổng hợp sử dụng đất:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp	204,67	33,74
1	Đất trồng lúa	169,35	27,92
2	Đất trồng trọt khác	22,62	3,73
3	Đất rừng phòng hộ	4,68	0,77
4	Đất nuôi trồng thủy sản	8,02	1,32
II	Đất xây dựng	244,00	40,22
1	Đất ở	106,92	17,62
1.1	Đất ở hiện trạng	44,47	7,33
1.2	Đất ở mới	62,45	10,29
2	Đất công cộng	14,76	2,43
2.1	Đất giáo dục	5,76	0,95
2.1.1	Trường mầm non	1,70	0,28
2.1.2	Trường tiểu học	1,02	0,17
2.1.3	Trường THCS	0,69	0,11
2.1.4	Trường THPT	2,35	0,39
2.2	Đất trụ sở	2,34	0,39
2.2.1	Trụ sở UBND xã Quảng Lộc	0,31	0,05
2.2.2	Trụ sở công an xã Quảng Lộc	0,64	0,11
2.2.3	Cơ quan hành chính	1,39	0,23
2.3	Đất y tế	1,98	0,33
2.3.1	Trạm y tế xã Quảng Lộc	0,10	0,02
2.3.2	Trung tâm y tế đa khoa	1,88	0,31
2.4	Đất văn hóa	1,78	0,29
2.5	Đất xây dựng bến xe	1,30	0,21
2.6	Đất xây dựng chợ	1,60	0,26
3	Đất cây xanh - thể dục thể thao	19,81	3,27
3.1	Đất cây xanh đô thị	15,48	2,55
3.2	Đất thể dục thể thao	4,33	0,71
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	2,60	0,43
4.1	Đất tôn giáo	1,70	0,28
4.2	Đất tín ngưỡng	0,90	0,15
5	Đất xây dựng các chức năng khác (TMDV)	14,77	2,43
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	80,97	13,35
6.1	Đất nghĩa địa	11,30	1,86

6.2	Đất giao thông	69,67	11,48
7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (đất thủy lợi)	4,17	0,69
III	Đất khác	157,98	26,04
1	Đất mặt nước	157,98	26,04
	Tổng cộng	606,65	100,00

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã.

7.1. Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Đường sắt: Ở giữa khu vực quy hoạch định hướng quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam cắt ngang qua xã Quảng Lộc theo nội dung đồ án Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn.

- Đường bộ: Đối với các tuyến đường giao thông (có các tuyến thoát nước kín).

+ Đường Tỉnh lộ 559: Nền đường rộng 15m; mặt đường rộng 7m; vỉa hè rộng 2x4m;

+ Đường rộng 36,0m (Quảng Tân - Quảng Lộc - Quảng Hòa): Nền đường rộng 36m; mặt đường rộng 2x9,5m; dải phân cách rộng 5m; vỉa hè rộng 2x6m;

+ Đường rộng 36,0m (Quảng Hải - Quảng Lộc - Quảng Hòa): Nền đường rộng 36m; mặt đường rộng 2x9,5m; dải phân cách rộng 5m; vỉa hè rộng 2x6m.

*** Giao thông đối nội:**

- Đường liên thôn: Nền đường rộng 28m; mặt đường rộng 2x8m; dải phân cách rộng 2m; vỉa hè rộng 2x5m.

- Đường liên thôn: Nền đường rộng 23m; mặt đường rộng 2x7,5m; vỉa hè rộng 2x4m.

- Đường liên thôn: Nền đường rộng 22,5m; mặt đường rộng 2x5,25m; vỉa hè rộng 2x6m.

- Đường liên thôn: Nền đường rộng 19m; mặt đường rộng 2x5,5m; vỉa hè rộng 2x4m.

- Đường liên thôn: Nền đường rộng 15m; mặt đường rộng 2x3,5m; vỉa hè rộng 2x4m.

- Đường liên thôn: Nền đường rộng 13m; mặt đường rộng 2x3,5m; vỉa hè rộng 2x3m.

- Đường nội thôn: Nền đường rộng 5,5m; mặt đường rộng 3,5m; vỉa hè rộng 2x1m.

- Đường nội đồng rộng 5,5m đến 7,5m.

Chỉ giới xây dựng từ 1,2÷3m. Trong quá trình thực hiện các dự án giao thông nông thôn, cần thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng để đạt mặt đường tối thiểu 3,5m. Khuyến khích mở rộng tối đa chỉ giới xây dựng từ 1,2m đến 3m đảm bảo giao thông thông thoáng, tạo những điểm tránh, trở xe.

7.2. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Mạng lưới được chia thành các lưu vực thoát về Hói Trường ở phía Nam và sông Gianh ở phía Bắc. Tại khu vực ruộng lúa thấp trũng ở giữa, tổ chức các tuyến mương thoát lũ kết hợp cảnh quan băng qua khu dân cư hiện có và tuyến đường 36m nối Quảng Hải - Lạc Giao, đảm bảo thoát lũ nhanh ra sông Gianh.

- Các tuyến cống thoát nước sử dụng công buy BTCT kích thước D600÷D1500mm, trong các khu dân cư hiện hữu có thể kết hợp các tuyến mương nắp đan.

- Để đảm bảo thoát nước cả lưu vực ra hướng nói trên cần xây dựng hệ thống tuyến kênh mương thu gom và thoát nước đi vào các kênh chính đã được nạo vét chỉnh trang, cụ thể:

+ Cải tạo, liên thông hệ thống ao hồ, kênh mương tiêu nội đồng với hệ thống tiêu thoát nước mặt toàn xã;

+ Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư, phù hợp với tiêu thoát thủy lợi.

7.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho xã Quảng Lộc được lấy từ Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch hiện có. Dự án đã thực hiện xong giai đoạn 1 với công suất 10.000m³/ngày.đêm, cung cấp nước sạch cho 10 xã. Nhà máy xử lý nước sạch số 1 được xây dựng tại xã Quảng Sơn. Hệ thống đường ống cấp 1, cấp 2, các tuyến ống dịch vụ đã được đầu tư xây dựng.

- Giải pháp cấp nước:

+ Tổ chức hoàn thiện các tuyến ống chính D110mm theo mạng vòng đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, phục vụ sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa. Trên mạng lưới chính bố trí các họng cứu hỏa, đảm bảo bán kính phục vụ 150m. Họng cứu hỏa được bố trí tại các khu vực ngã 3, 4... đảm bảo thuận tiện cứu hỏa khi có đám cháy xảy ra.

+ Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,5m (đối với ống có đường kính nhỏ hơn D75mm đặt trên vỉa hè) và tối thiểu 0,7m (đối với ống qua đường xe chạy).

7.4. Quy hoạch Cấp điện:

Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

- Nguồn điện: Từ trạm 1x25 MVA-110/35/22kV Văn Hóa.

- Dây dẫn của lưới điện 22 KV sử dụng dây AAAC bọc XLPE, cáp ngầm XLPE với tiết diện dây dẫn trực chính là 240mm², 185mm², không dùng dây dẫn trần. Trong tương lai khi điều kiện kinh tế cho phép cần cải tạo dần đường dây trung thế đi nổi trong đô thị thành cáp ngầm.

- Các trạm lưới 22kV sử dụng loại trạm xây hoặc trạm treo tùy theo vị trí đặt. Vỏ, nhà trạm phải đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Lưới điện hạ thế sử dụng kiểu đi nổi, dây dẫn là cáp vện xoắn. Lưới điện hạ thế có thể bố trí đi cùng cột với lưới điện phân phối. Bán kính phục vụ của

- lưới điện hạ thế trong khoảng 300÷500m.

7.5. Quy hoạch Hạ tầng viễn thông:

Mạng thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng bằng các biện pháp lắp thêm trạm BTS đồng thời nâng cấp cấu hình các trạm, hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động.

7.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

7.6.1. Quy hoạch Thoát nước thải:

Khu vực quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sẽ được thu gom theo hệ thống cống riêng biệt. Nước thải tự chảy theo các tuyến cống dọc đường. Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm các cỡ đường kính D300mm, D400mm, D500mm.

7.6.2. Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn (CTR):

Tổ chức các đội vệ sinh môi trường thu gom, đảm bảo thu gom trên 95% rác thải sinh hoạt được vận chuyển CTR đến các điểm tập kết rác, các trạm trung chuyển CTR được quy định cụ thể. Sau đó theo kế hoạch định kỳ sẽ được xe vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của thị xã Ba Đồn theo quy định.

7.6.3. Quy hoạch nghĩa trang: Khu nghĩa trang hiện có trong phạm vi dưới 500m đến khu dân cư không được hung táng (chôn cất mới) bố trí trồng cây xanh cách ly và cây xanh trong toàn bộ khuôn viên đảm bảo xanh sạch đẹp hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường dân cư lân cận.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình).

Giao Phòng Quản lý đô thị thị xã Ba Đồn phối hợp với UBND xã Quảng Lộc tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch để các tổ chức và nhân dân biết và thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên & Môi trường, Tài chính- Kế hoạch, Kinh tế, Văn hóa thông tin; Chủ tịch UBND xã Quảng Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /h

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND Thị xã;
- Lưu: VT. *fm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Minh Thọ